

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUẬN CHÂU  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Văn Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Lâu A Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ ngày 17-6-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-7-2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lường Thị H, sinh năm 2002. (Có mặt).

Nơi cư trú: Bản L, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La.

2. *Bị đơn:* Anh Lường Văn H, sinh năm 1998. (Có mặt).

Nơi cư trú: Bản L, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lường Thị H trình bày:***

Chị Lường Thị H và anh Lường Văn H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, anh H nghiện rượu bia thường nhậu say về đánh đập hành hạ chị H, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lường Văn H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong bản tự khai, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn anh Lương Văn H trình bày như sau:***

Anh Lương Văn H và chị Lương Thị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn. Đến thời gian gần đây, chị H có tình cảm khác lạ với anh H yêu cầu ly hôn, không rõ nguyên nhân. Anh H và chị H đã sống ly thân từ năm 2023. Tại phiên tòa, anh Lương Văn H không nhất trí ly hôn với chị Lương Thị H vì chị H phải trả số tiền 60.000.000đ cho anh H thì anh H mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau đi làm thuê, anh H chuyển khoản nhiều lần cho chị H giữ hết số tiền lương, tổng số tiền là 60.000.000đ. Nay ly hôn, anh H yêu cầu chị H trả số tiền 60.000.000đ này cho anh H.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Văn H cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là tập sao kê tài khoản ngân hàng của anh Lương Văn H chuyển khoản cho chị Lương Thị H.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, chị Lương Thị H trình bày: Số tiền anh Lương Văn H chuyển khoản cho chị Lương Thị H đã sử dụng hết vào việc chi tiêu mua sắm đồ dùng trong gia đình, mua xe máy, gửi tiền cho bố mẹ,... Chị Lương Thị H không lấy tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Chị H không nhất trí với yêu cầu của anh Lương Văn H.

Tại phiên tòa, anh Lương Văn H rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu chị Lương Thị H trả số tiền 60.000.000đ do không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tòa án đã tổ chức hòa giải cho vợ chồng nhưng chị H vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải với lý do chị H có nhiều mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn tình cảm được với anh Lương Văn H nên tại phiên tòa chị H vẫn kiên quyết ly hôn.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị H được ly hôn với anh Lường Văn H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Lường Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lường Thị H yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lường Văn H có địa chỉ nơi cư trú tại bản L, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị H và anh Lường Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị H và anh H là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh H chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Anh H và chị H đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Lương Văn H. Tại phiên tòa, anh Lương Văn H cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H nhưng không thể hàn gắn được tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị H và anh H không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, Tòa án đã tổ chức hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành, mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được nên chị H kiên quyết ly hôn, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lương Thị H ly hôn với anh Lương Văn H.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị Lương Thị H và anh Lương Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị Lương Thị H và anh Lương Văn H xác định không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch trong vụ án ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị H được ly hôn với anh Lương Văn H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Chị H, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án.

4. Về nợ chung: Chị H, anh H xác định không có. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án.

5. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: 0001817, ngày 17/6/2024.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Lương Văn H, chị Lương Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Văn Thịnh**